TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO LÂM** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2023/HNGĐ- ST
Ngày : 28-02-2023
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trọng Hoàng**
2. Ông **Trần Ngọc Biên**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Anh Vương**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm*** *tham gia phiên tòa*: Không.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 262/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim A**, sinh năm 1993

Địa chỉ: Tổ 4, khu phố T, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Minh T,** sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm 4, thôn An Hòa, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Chị A, anh T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2022 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Trần Minh T chung sống với nhau từ năm 2013, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới bên nhà trai, gia đình chị A không đồng ý cho chị A kết hôn với anh T vì cả hai không cùng đạo, còn gia đình anh T đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc An, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 25/8/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với bố mẹ anh T tại thôn An Hòa, xã L, huyện B. Vợ chồng sống chung với nhau được khoảng 02 năm sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân đến nay, chị A về thành phố Biên Hòa sinh sống, còn anh T vẫn sinh sống tại xã L. Vợ chồng sống không hạnh phúc, lý do anh T không lo làm ăn để chăm lo cho cuộc sống gia đình, chị A có khuyên anh T nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi. Những lần mâu thuẫn, anh T cũng có tát chị A mấy

lần. Sau khi sinh con chị A cũng đã bỏ về nhà mẹ đẻ mấy lần vì mâu thuẫn. Từ 2015 đến nay vợ chồng đã ly thân, phận ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên chị A yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị A và anh T có 01 con chung là Trần Bảo M, sinh ngày 22/11/2013. Từ khi ly thân đến nay anh T đang trực tiếp nuôi con chung, thỉnh thoảng chị A có về thăm con. Nay giải quyết ly hôn chị A đồng ý giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị A không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị A và anh T không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống chị A và anh T không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/01/2023, bị đơn anh Trần Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị A chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị A thường xuyên bỏ nhà đi từ năm 2014 đến nay. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ly thân đã lâu, không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, chị A yêu cầu ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống anh T và chị A có 01 con chung là Trần Bảo M, sinh ngày 22/11/2013, anh T đang trực tiếp nuôi con chung. Nay ly hôn anh T yêu cầu trực tiếp con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống anh T và chị A không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/01/2023 nhưng không thành. Chị A có mặt, có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án nữa mà giải quyết theo quy định của pháp luật, anh T có đơn yêu cầu vắng mặt,

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm không tham gia phiên tòa nên không có bài phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim A và bị đơn anh Trần Minh T đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238

của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của phá luật.

Về nội dung vụ án:

{1} Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim A và anh Trần Minh T chung sống tự nguyện từ năm 2013, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 28/5/2013. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống thôn An Hòa, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng được một thời gian ngắn. Đến năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị A và anh T ly thân đến nay. Chị A về thành phố B, tỉnh Đồng Nai làm ăn sinh sống, còn anh T làm việc, sinh sống tại xã L, huyện B, vợ chồng không liên lạc, không làm ăn kinh tế chung. Việc phát sinh mâu thuẫn trầm trọng cả hai đều thừa nhận và không thể hàn gắn được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có hòa giải đoàn tụ nhưng chị A có mặt, anh T có xin vắng mặt nên không có nguyện vọng đoàn tụ tiếp tục đời sống vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng của chị A và anh T đã trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung, ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, cả hai cũng yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nên cần căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị A và anh T được ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

Về con chung: Căn cứ vào lời khai của chị A, anh T, bản sao giấy khai sinh thì thấy rằng quá trình chung sống hai người có 01 con chung là Trần Bảo M, sinh ngày 22/11/2013. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu nuôi con chung thấy rằng hiện nay anh T vẫn chăm sóc nuôi dưỡng con tốt, con ăn học đầy đủ, phát triển bình thường, anh T đủ điều kiện để nuôi con, cháu My có nguyện vọng tiếp tục ở với anh T. Chị A cũng đồng ý giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao con chung Trần Bảo M, sinh ngày 22/11/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không ai yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị A, anh T thống nhất trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về nợ chung: Chị A, anh T thống nhất trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim A đối với anh Trần Minh T về việc *"Ly hôn"*.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Kim A và anh Trần Minh T được ly hôn.

2. Về con chung: Buộc chị Nguyễn Thị Kim A phải giao con chung là Trần Bảo M, sinh ngày 22/11/2013 cho anh Trần Minh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

"*Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình*".

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0009576 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L, huyện B.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)
Nguyễn Thị Bích Thủy